

Họ và tên: Lớp: SBD:

I. TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

- Câu 1:** Trong các yếu tố cấu thành tư liệu lao động, yếu tố nào dưới đây quan trọng nhất?
A. Hệ thống bình chứa của sản xuất. B. Cơ sở vật chất.
C. Kết cấu hạ tầng của sản xuất. D. Công cụ lao động.
- Câu 2:** Đầu là đối tượng lao động của ngành công nghiệp khai thác trong các yếu tố sau?
A. Máy cày. B. Nhà xưởng. C. Sân bay. D. Than.
- Câu 3:** Yếu tố quan trọng và quyết định nhất trong quá trình sản xuất là
A. đối tượng lao động. B. sức lao động. C. tư liệu lao động. D. máy móc hiện đại.
- Câu 4:** Nội dung nào được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?
A. Làm cho môi trường bị suy thoái. B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
C. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước. D. Kích thích sức sản xuất.
- Câu 5:** Sản xuất của cải vật chất có vai trò quyết định
A. mọi hoạt động của xã hội. B. số lượng hàng hóa trong xã hội.
C. thu nhập của người lao động. D. việc làm của người lao động.
- Câu 6:** “Con trâu đi trước, cái cày theo sau” là nói đến yếu tố nào của quá trình sản xuất ?
A. Sức lao động. B. Đối tượng lao động. C. Tư liệu lao động. D. Công cụ lao động.
- Câu 7:** Khi tiền rút khỏi lưu thông tiền tệ làm chức năng gì?
A. Phương tiện thanh toán. B. Thước đo giá trị.
C. Phương tiện lưu thông. D. Phương tiện cất trữ.
- Câu 8:** Cạnh tranh trong lĩnh vực nào là quan trọng nhất?
A. Trong lĩnh vực xã hội. B. Trong lĩnh vực kinh tế.
C. Trong lĩnh vực nghệ thuật. D. Trong lĩnh vực chính trị.
- Câu 9:** Đầu không phải là tính chất của cạnh tranh?
A. Thương lượng. B. Đấu tranh. C. Giành giật. D. Ganh đua.
- Câu 10:** Một sản phẩm trở thành hàng hóa cần có mấy điều kiện?
A. Hai. B. Bốn. C. Ba. D. Một.
- Câu 11:** Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa là gì?
A. Bán được nhiều hàng hóa nhất. B. Trở thành người chi phối thị trường.
C. Sản xuất được nhiều hàng hóa nhất. D. Giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác.
- Câu 12:** Cung - cầu trên thị trường bị ảnh hưởng bởi yếu tố nào dưới đây?
A. Giá cả. B. Hàng hóa. C. Người sản xuất. D. Tiền tệ.
- Câu 13:** Lượng tiền giấy đưa vào lưu thông vượt quá quy định sẽ dẫn đến hiện tượng gì?
A. Giảm phát. B. Thiếu phát. C. Lạm phát. D. Khủng hoảng.
- Câu 14:** Đầu không phải là điều kiện để sản phẩm trở thành hàng hóa.
A. Đem trao đổi mua bán. B. Có công dụng nhất định.
C. Sản phẩm của lao động. D. Có giá trị nhất định.
- Câu 15:** Tiền tệ có mấy chức năng?
A. Bốn. B. Năm. C. Ba. D. Hai.
- Câu 16:** Thị trường gồm những nhân tố cơ bản nào dưới đây?
A. Tiền tệ, người mua, người bán, giá cả. B. Người mua, tiền tệ, giá cả, hàng hóa.
C. Giá cả, hàng hóa, người mua, người bán. D. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán.

- Câu 17:** Khi cung < cầu thì *tất yếu* điều gì xảy ra trên thị trường?
 A. Giá cả < giá trị hàng hóa. B. Nhà sản xuất mở rộng quy mô sản xuất.
 C. Giá cả > giá trị hàng hóa. D. Giá cả = giá trị hàng hóa.
- Câu 18:** Quy luật giá trị có mấy tác động?
 A. Bốn. B. Hai. C. Năm. D. Ba.
- Câu 19:** Mọi quan hệ giữa số lượng cầu và giá cả hàng hóa là
 A. bằng nhau. B. ngược chiều. C. tỉ lệ thuận. D. tỉ lệ nghịch.
- Câu 20:** Để sản xuất ra một cái áo, thời gian lao động của anh H là 1 giờ, anh E là 2 giờ, anh K là 3 giờ. Trên thị trường, xã hội thừa nhận mua bán với thời gian là 2 giờ. Trong 3 người trên, ai thực hiện tốt quy luật giá trị?
 A. Anh K. B. Anh H. C. Anh E. D. Anh H và anh E.
- Câu 21:** Quy luật giá trị tồn tại ở nền sản xuất nào dưới đây?
 A. Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. B. Nền sản xuất hàng hóa.
 C. Mọi nền sản xuất. D. Nền sản xuất xã hội chủ nghĩa.
- Câu 22:** Sự cạnh tranh vi phạm pháp luật và các chuẩn mực đạo đức là cạnh tranh
 A. không bình đẳng. B. không lành mạnh. C. tự do. D. không đẹp.
- Câu 23:** Gia đình H có 1 ha trồng rau sạch cung cấp cho thị trường, hiện nay giá của các loại rau sạch đều tăng. Bố H quyết định mở rộng diện tích trồng, mẹ H thì muốn giữ nguyên quy mô sản xuất, chị H thì lại khuyên thu hẹp diện tích gieo trồng. Theo em, nên làm theo ý kiến của ai để gia đình H có thêm lợi nhuận?
 A. Mẹ H. B. Bố H. C. Chị H. D. Mẹ H và chị H.
- Câu 24:** Đâu là đối tượng lao động của người thợ may?
 A. Chỉ. B. Vải. C. Máy may. D. Thợ may.
- Câu 25:** Chủ thể nào dưới đây cần vận dụng quan hệ cung – cầu bằng cách điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các giải pháp thích hợp?
 A. Người sản xuất. B. Người tiêu dùng. C. Nhà nước. D. Nhân dân.
- Câu 26:** Người sản xuất vi phạm quy luật giá trị trong trường hợp nào dưới đây?
 A. Thời gian lao động cá biệt lớn hơn thời gian lao động xã hội cần thiết.
 B. Thời gian lao động cá biệt lớn hơn hoặc nhỏ hơn thời gian lao động xã hội cần thiết.
 C. Thời gian lao động cá biệt bằng thời gian lao động xã hội cần thiết.
 D. Thời gian lao động cá biệt nhỏ hơn thời gian lao động xã hội cần thiết.
- Câu 27:** Trên thị trường, các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định
 A. chất lượng và số lượng hàng hóa. B. giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa.
 C. giá cả và giá trị sử dụng của hàng hóa. D. giá cả và số lượng hàng hóa.
- Câu 28:** Biểu hiện nào dưới đây không phải là cầu?
 A. Anh Nam mua một chiếc xe máy bằng hình thức trả góp.
 B. Bạn Lan đi siêu thị mua hàng thanh toán hết 500.000đ.
 C. Bác Hùng có nhu cầu mua ô tô nhưng không đủ tiền.
 D. Chị Mai cần mua một chiếc xe đạp điện với giá 15 triệu đồng.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 1 (1,5 điểm): Theo em biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh là gì?

Câu 2 (Tình huống, 1,5 điểm): “Thấy cửa hàng bán quần áo của F ít khách nên M đã gợi ý đăng tải lên facebook để quảng cáo. P giúp F chia sẻ bài viết cho nhiều người khác. Anh K cũng buôn bán quần áo trên mạng nên đã nhờ R và Y nói xấu F trên facebook. L chia sẻ bài viết của R và Y cho H.”

Câu hỏi: Trong tình huống trên những ai cạnh tranh không lành mạnh? Vì sao?

----- HẾT -----

Họ và tên:..... Lớp:SBD.....

I. TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

Câu 1: Việc phân phối lại nguồn hàng từ nơi có lãi ít đến nơi có nhiều lãi là kết quả tác động nào của quy luật giá trị

- A. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa. B. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển.
C. Tăng năng suất lao động. D. Phân hóa giàu nghèo giữa những người sản xuất hàng

hóa.

Câu 2: Việc trao đổi các hàng hóa với nhau trên thị trường thực chất là trao đổi

- A. giá trị sử dụng của hàng hóa.
B. những lượng lao động hao phí bằng nhau ẩn chứa trong hàng hóa.
C. giá trị của hàng hóa. D. thời gian lao động xã hội cần thiết.

Câu 3: Ý kiến nào đúng khi nói về cạnh tranh?

A. Chỉ có sản xuất hàng hóa thì mới có cạnh tranh. B. Nền kinh tế tự túc, tự cấp có cạnh tranh.

C. Ở nơi nào có sản xuất thì nơi đó có cạnh tranh. D. Nền kinh tế tập trung bao cấp có cạnh tranh.

Câu 4: Khi giá cả hàng hóa tăng lên, các doanh nghiệp mở rộng sản xuất. Đây là biểu hiện nào trong quan hệ cung – cầu?

- A. Tất cả các các biểu hiện trên. B. Cung – cầu tác động lẫn nhau.
C. Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường. D. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu.

Câu 5: Nội dung của quan hệ cung – cầu trên thị trường nhằm xác định

- A. Giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ. B. Số lượng hàng hóa lưu thông.
C. Giá trị hàng hóa. D. Mức giá cả hàng hóa, dịch vụ.

Câu 6: Tiền tệ có mấy chức năng?

- A. Bốn. B. Năm. C. Ba. D. Hai

Câu 7: Câu tục ngữ “Thương trường như chiến trường” phản ánh quy luật kinh tế nào dưới đây?

- A. Quy luật cung cầu. B. Quy luật cạnh tranh.
C. Quy luật lưu thông tiền tệ. D. Quy luật giá trị.

Câu 8: Trong nền kinh tế hàng hoá khái niệm cầu được dùng để gọi tắt cho cụm từ nào?

- A. Nhu cầu của mọi người. B. Nhu cầu của người tiêu dùng.
C. Nhu cầu tiêu dùng hàng hoá. D. Nhu cầu có khả năng thanh toán.

Câu 9: Thị trường bao gồm các nhân tố cơ bản

- A. hàng hóa, tiền tệ, giá cả, giá trị. B. hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán.
C. hàng hóa, tiền tệ, chợ, siêu thị. D. cung – cầu, giá cả, tiền tệ.

Câu 10: Trên thị trường, sự tác động của nhân tố nào khiến cho giá cả hàng hóa trở nên cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị?

- A. Người mua, người bán. B. Độc quyền.
C. Cạnh tranh và phân phối sản phẩm. D. Cung – cầu.

Câu 11: Trên thị trường người tiêu dùng chịu ảnh hưởng như thế nào về quan hệ cung – cầu?

- A. Vừa có lợi, vừa thua thiệt. B. Không bị ảnh hưởng gì.
 C. Thiệt thòi, bị ép giá. D. Luôn có lợi.
- Câu 12:** Quy luật kinh tế nào chi phối trong nền sản xuất hàng hóa?
 A. Quy luật lưu thông hàng hóa. B. Quy luật cạnh tranh.
 C. Quy luật giá trị. D. Quy luật cung – cầu.
- Câu 13:** Sàn giao dịch chứng khoán là loại thị trường gì?
 A. Thị trường quốc tế. B. Thị trường vô hình.
 C. Thị trường ảo. D. Thị trường hiện đại.
- Câu 14:** Biểu hiện nào dưới đây được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?
 A. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước. B. Điều tiết thu hẹp sản xuất.
 C. Làm cho môi trường bị suy thoái. D. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- Câu 15:** Sự chênh lệch giá trị đồng tiền nước này với đồng tiền nước khác gọi là gì ?
 A. Mệnh giá hối đoái. B. Tỷ giá giao dịch.
 C. Tỷ giá hối đoái. D. Chênh lệch ngoại tệ.
- Câu 16:** Người tiêu dùng Việt Nam đang có xu hướng chuộng dùng hàng ngoại. Để hạn chế xu hướng này các chủ thể sản xuất kinh doanh trong nước cần phải làm gì?
 A. Làm hàng nhái giống như của nước ngoài. B. Có những ưu đãi đặc biệt về giá cả.
 C. Tìm cách ngăn chặn không cho hàng hoá nước ngoài tràn vào nước ta.
 D. Tích cực cạnh tranh với các mặt hàng nước ngoài giành ưu thế trên thị trường nội địa.
- Câu 17:** Yếu tố quyết định số lượng cung hàng hóa là
 A. mức giá cả hàng hóa. B. các yếu tố sản xuất.
 C. số lượng và chất lượng nguồn nhân lực. D. khả năng sản xuất.
- Câu 18:** Hàng hóa ở trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường gọi là
 A. cầu. B. nhu cầu. C. cung. D. dự trữ.
- Câu 19:** Bà A bán thóc được 2 triệu đồng. Bà dùng tiền đó mua một chiếc xe đạp. Trong trường hợp này tiền thực hiện chức năng gì dưới đây?
 A. Phương tiện lưu thông. B. Thước đo giá trị.
 C. Phương tiện cất trữ. D. Phương tiện thanh toán.
- Câu 20:** Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa gọi là gì?
 A. Thời gian lao động xã hội cần thiết. B. Giá trị hàng hóa.
 C. Thời gian lao động cá biệt. D. Thời gian lao động cá nhân.
- Câu 21:** Tiền giấy ra đời đầu tiên ở quốc gia nào?
 A. Anh. B. Mỹ. C. Trung Quốc. D. Pháp.
- Câu 22:** Cạnh tranh ra đời, tồn tại và phát triển khi
 A. sản xuất hàng hóa xuất hiện. B. lưu thông hàng hóa xuất hiện.
 C. sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất hiện. D. quy luật giá trị xuất hiện.
- Câu 23:** Đâu là biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh?
 A. Tung ra nhiều khuyến mãi để thu hút khách hàng. B. Áp dụng khoa học – kỹ thuật hiện đại vào sản xuất.
 C. Đầu cơ tích trữ để nâng cao lợi nhuận. D. Hạ giá thành sản phẩm.
- Câu 24:** Theo nội dung quy luật giá trị, sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào?
 A. Giá trị của hàng hóa. B. Thời gian lao động xã hội cần thiết.
 C. Nhu cầu của mọi người. D. Thời gian lao động cá biệt.
- Câu 25:** Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất phát từ
 A. sự tồn tại nhiều chủ sở hữu. B. sự gia tăng sản xuất hàng hóa.
 C. nguồn lao động dồi dào trong xã hội. D. sự thay đổi cung-cầu.

Câu 26: Phương án nào dưới đây là đúng?

- A. Giá cả tăng do cung > cầu.
- C. Giá cả tăng do cung = cầu.

- B. Giá cả tăng do cung < cầu.
- D. Giá cả tăng do cung \leq cầu.

Câu 27: Số lượng cầu phụ thuộc vào yếu tố nào nhất?

- A. Mức giá cả hàng hóa.
- C. Thu nhập.

- B. Sở thích người tiêu dùng.
- D. Tâm lý, thị hiếu người tiêu dùng.

Câu 28: Cạnh tranh diễn ra theo đúng pháp luật và gắn liền với các tác động tích cực là

- A. cạnh tranh hoàn hảo.
- C. cạnh tranh lí tưởng.

- B. cạnh tranh lành mạnh.
- D. cạnh tranh tích cực.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 1 (1,5 điểm): Theo em cạnh tranh lành mạnh được biểu hiện như thế nào?

Câu 2 (Tình huống 1,5 điểm): “Do quán mình vắng khách, trong khi quán của chị S khách vào tấp nập nên chị K thuê M, N và G dàn dựng clip sai sự thật về việc bán hàng của chị S rồi đưa lên mạng. U chia sẻ bài viết của K cho F. Việc kinh doanh của chị S bị đổ bể do nhiều người phản đối”.

Câu hỏi: Trong tình huống này hành vi của những ai là cạnh tranh không lành mạnh? Vì sao?

----- HẾT -----

Họ và tên:..... Lớp:SBD.....

I. TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

Câu 1: Điều **không** phải là điều kiện để sản phẩm trở thành hàng hóa.

- A. Có giá trị nhất định. B. Có công dụng nhất định.
C. Sản phẩm của lao động. D. Đem trao đổi mua bán.

Câu 2: “Con trâu đi trước, cái cày theo sau” là nói đến yếu tố nào của quá trình sản xuất ?

- A. Sức lao động B. Đối tượng lao động. C. Tư liệu lao động. D. Công cụ lao động.

Câu 3: Biểu hiện nào dưới đây **không** phải là cầu?

- A. Bác Hùng có nhu cầu mua ô tô nhưng không đủ tiền.
B. Anh Nam mua một chiếc xe máy bằng hình thức trả góp.
C. Chị Mai cần mua một chiếc xe đạp điện với giá 15 triệu đồng.
D. Bạn Lan đi siêu thị mua hàng thanh toán hết 500.000đ.

Câu 4: Quy luật giá trị tồn tại ở nền sản xuất nào dưới đây?

- A. Mọi nền sản xuất. B. Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa.
C. Nền sản xuất xã hội chủ nghĩa D. Nền sản xuất hàng hóa.

Câu 5: Sự cạnh tranh vi phạm pháp luật và các chuẩn mực đạo đức là cạnh tranh

- A. không bình đẳng. B. tự do. C. không lành mạnh. D. không đẹp.

Câu 6: Điều là đối tượng lao động của ngành công nghiệp khai thác trong các yếu tố sau?

- A. Nhà xưởng. B. Máy cày. C. Than. D. Sân bay.

Câu 7: Chủ thể nào dưới đây cần vận dụng quan hệ cung – cầu bằng cách điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các giải pháp thích hợp ?

- A. Người sản xuất. B. Nhà nước. C. Nhân dân. D. Người tiêu dùng.

Câu 8: Gia đình H có 1 ha trồng rau sạch cung cấp cho thị trường, hiện nay giá của các loại rau sạch đều tăng. Bố H quyết định mở rộng diện tích trồng, mẹ H thì muốn giữ nguyên quy mô sản xuất, chị H thì lại khuyên thu hẹp diện tích gieo trồng. Theo em, nên làm theo ý kiến của ai để gia đình H có thêm lợi nhuận?

- A. Mẹ H. B. Bố H. C. Chị H D. Mẹ H và chị H.

Câu 9: Một sản phẩm trở thành hàng hóa cần có mấy điều kiện?

- A. Hai. B. Bốn. C. Ba. D. Một.

Câu 10: Trong các yếu tố cấu thành tư liệu lao động, yếu tố nào dưới đây quan trọng nhất?

- A. Hệ thống bình chứa của sản xuất. B. Kết cấu hạ tầng của sản xuất.
C. Công cụ lao động. D. Cơ sở vật chất.

Câu 11: Để sản xuất ra một cái áo, thời gian lao động của anh H là 1 giờ, anh E là 2 giờ, anh K là 3 giờ. Trên thị trường, xã hội thừa nhận mua bán với thời gian là 2 giờ. Trong 3 người trên, ai thực hiện tốt quy luật giá trị?

- A. Anh H. B. Anh E. C. Anh K. D. Anh H và anh E.

Câu 12: Lượng tiền giấy đưa vào lưu thông vượt quá quy định sẽ dẫn đến hiện tượng gì?

- A. Giảm phát. B. Thiếu phát. C. Lạm phát. D. Khủng hoảng.

Câu 13: Nội dung nào được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?

- A. Kích thích sức sản xuất. B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
C. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước. D. Làm cho môi trường bị suy thoái.

Câu 14: Tiền tệ có mấy chức năng?

- A. Bốn. B. Năm. C. Ba. D. Hai.
- Câu 15:** Thị trường gồm những nhân tố cơ bản nào dưới đây?
 A. Tiền tệ, người mua, người bán, giá cả. B. Người mua, tiền tệ, giá cả, hàng hóa.
 C. Giá cả, hàng hóa, người mua, người bán. D. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán.
- Câu 16:** Khi cung < cầu thì *tất yếu* điều gì xảy ra trên thị trường?
 A. Giá cả < giá trị hàng hóa. B. Nhà sản xuất mở rộng quy mô sản xuất.
 C. Giá cả > giá trị hàng hóa. D. Giá cả = giá trị hàng hóa.
- Câu 17:** Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa là gì?
 A. Trở thành người chi phối thị trường. B. Bán được nhiều hàng hóa nhất.
 C. Giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác. D. Sản xuất được nhiều hàng hóa nhất.
- Câu 18:** Đây là đối tượng lao động của người thợ may?
 A. Máy may. B. Chỉ. C. Vải. D. Thợ may.
- Câu 19:** Người sản xuất vi phạm quy luật giá trị trong trường hợp nào dưới đây?
 A. Thời gian lao động cá biệt lớn hơn thời gian lao động xã hội cần thiết.
 B. Thời gian lao động cá biệt lớn hơn hoặc nhỏ hơn thời gian lao động xã hội cần thiết.
 C. Thời gian lao động cá biệt bằng thời gian lao động xã hội cần thiết.
 D. Thời gian lao động cá biệt nhỏ hơn thời gian lao động xã hội cần thiết.
- Câu 20:** Quy luật giá trị có mấy tác động?
 A. Năm. B. Bốn. C. Ba. D. Hai.
- Câu 21:** Yếu tố quan trọng và quyết định nhất trong quá trình sản xuất là
 A. máy móc hiện đại. B. sức lao động.
 C. đối tượng lao động. D. tư liệu lao động.
- Câu 22:** Cạnh tranh trong lĩnh vực nào là quan trọng nhất?
 A. Trong lĩnh vực chính trị. B. Trong lĩnh vực nghệ thuật.
 C. Trong lĩnh vực xã hội. D. Trong lĩnh vực kinh tế.
- Câu 23:** Mối quan hệ giữa số lượng cầu và giá cả hàng hóa là
 A. tỉ lệ nghịch. B. tỉ lệ thuận. C. bằng nhau. D. ngược chiều.
- Câu 24:** Sản xuất của cải vật chất có vai trò quyết định
 A. mọi hoạt động của xã hội. B. thu nhập của người lao động.
 C. số lượng hàng hóa trong xã hội. D. việc làm của người lao động.
- Câu 25:** Khi tiền rút khỏi lưu thông tiền tệ làm chức năng gì?
 A. Thước đo giá trị. B. Phương tiện lưu thông.
 C. Phương tiện thanh toán. D. Phương tiện cất trữ.
- Câu 26:** Trên thị trường, các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định
 A. chất lượng và số lượng hàng hóa. B. giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa.
 C. giá cả và giá trị sử dụng của hàng hóa. D. giá cả và số lượng hàng hóa.
- Câu 27:** Cung – cầu trên thị trường bị ảnh hưởng bởi yếu tố nào dưới đây?
 A. Hàng hóa. B. Người sản xuất. C. Tiền tệ. D. Giá cả.
- Câu 28:** Đây không phải là tính chất của cạnh tranh?
 A. Thương lượng. B. Đấu tranh. C. Giành giật. D. Ganh đua.

II. PHÂN TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 1 (1,5 điểm): Theo em biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh là gì?

Câu 2 (Tình huống, 1,5 điểm): “Thấy cửa hàng bán quần áo của F ít khách nên M đã gợi ý đăng tải lên facebook để quảng cáo. P giúp F chia sẻ bài viết cho nhiều người khác, Anh K cũng buôn bán quần áo trên mạng nên đã nhờ R và Y nói xấu F trên facebook. L chia sẻ bài viết của R và Y cho H.”

Câu hỏi: Trong tình huống trên những ai cạnh tranh không lành mạnh? Vì sao?

----- HẾT -----

Họ và tên:..... Lớp:SBD.....

I. TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

Câu 1: Biểu hiện nào dưới đây được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?

- A. Điều tiết thu hẹp sản xuất. B. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước.
C. Làm cho môi trường bị suy thoái. D. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 2: Tiền tệ có mấy chức năng?

- A. Hai. B. Bốn. C. Ba. D. Năm.

Câu 3: Việc phân phối lại nguồn hàng từ nơi có lãi ít đến nơi có nhiều lãi là kết quả tác động nào của quy luật giá trị?

- A. Phân hóa giàu nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa. B. Tăng năng suất lao động.
C. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển. D. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Câu 4: Thị trường bao gồm các nhân tố cơ bản ?

- A. hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán. B. hàng hóa, tiền tệ, chợ, siêu thị.
C. hàng hóa, tiền tệ, giá cả, giá trị. D. cung – cầu, giá cả, tiền tệ.

Câu 5: Sự chênh lệch giá trị đồng tiền nước này với đồng tiền nước khác gọi là gì ?

- A. Tỷ giá giao dịch. B. Tỷ giá hối đoái.
C. Mệnh giá hối đoái. D. Chênh lệch ngoại tệ.

Câu 6: Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất phát từ

- A. sự tồn tại nhiều chủ sở hữu. B. sự gia tăng sản xuất hàng hóa.
C. nguồn lao động dồi dào trong xã hội. D. sự thay đổi cung-cầu.

Câu 7: Trên thị trường người tiêu dùng chịu ảnh hưởng như thế nào về quan hệ cung – cầu?

- A. Vừa có lợi, vừa thua thiệt. B. Không bị ảnh hưởng gì.
C. Thiệt thòi, bị ép giá. D. Luôn có lợi.

Câu 8: Trong nền kinh tế hàng hoá khái niệm cầu được dùng để gọi tắt cho cụm từ nào?

- A. Nhu cầu có khả năng thanh toán. B. Nhu cầu tiêu dùng hàng hoá.
C. Nhu cầu của mọi người. D. Nhu cầu của người tiêu dùng.

Câu 9: Số lượng cầu phụ thuộc vào yếu tố nào nhất?

- A. Mức giá cả hàng hóa. B. Sở thích người tiêu dùng.
C. Thu nhập. D. Tâm lý, thị hiếu người tiêu dùng.

Câu 10: Quy luật kinh tế nào chi phối trong nền sản xuất hàng hóa?

- A. Quy luật lưu thông hàng hóa. B. Quy luật cạnh tranh.
C. Quy luật giá trị. D. Quy luật cung – cầu.

Câu 11: Người tiêu dùng Việt Nam đang có xu hướng chuộng dùng hàng ngoại. Để hạn chế xu hướng này các chủ thể sản xuất kinh doanh trong nước cần phải làm gì?

- A. Làm hàng nhái giống như của nước ngoài.
B. Có những ưu đãi đặc biệt về giá cả.
C. Tìm cách ngăn chặn không cho hàng hoá nước ngoài tràn vào nước ta.
D. Tích cực cạnh tranh với các mặt hàng nước ngoài giành ưu thế trên thị trường nội địa.

Câu 12: Sản giao dịch chứng khoán là loại thị trường gì?

- A. Thị trường hiện đại. B. Thị trường vô hình.
C. Thị trường ảo. D. Thị trường quốc tế.

Câu 13: Khi giá cả hàng hóa tăng lên, các doanh nghiệp mở rộng sản xuất. Đây là biểu hiện nào trong quan hệ cung – cầu?

- A. Tất cả các các biểu hiện trên. B. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu.
C. Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường. D. Cung – cầu tác động lẫn nhau.

Câu 14: Trên thị trường, sự tác động của nhân tố nào khiến cho giá cả hàng hóa trở nên cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị?

- A. Người mua, người bán. B. Cung – cầu.
C. Độc quyền. D. Cạnh tranh và phân phối sản phẩm.

Câu 15: Việc trao đổi các hàng hóa với nhau trên thị trường thực chất là trao đổi

- A. thời gian lao động xã hội cần thiết. B. giá trị sử dụng của hàng hóa.
C. giá trị của hàng hóa.
D. những lượng lao động hao phí bằng nhau ẩn chứa trong hàng hóa.

Câu 16: Yếu tố quyết định số lượng cung hàng hóa là

- A. mức giá cả hàng hóa. B. các yếu tố sản xuất.
C. số lượng và chất lượng nguồn nhân lực. D. khả năng sản xuất.

Câu 17: Bà A bán thóc được 2 triệu đồng. Bà dùng tiền đó mua một chiếc xe đạp. Trong trường hợp này tiền thực hiện chức năng gì dưới đây?

- A. Phương tiện thanh toán. B. Phương tiện cất trữ.
C. Phương tiện lưu thông. D. Thước đo giá trị.

Câu 18: Ý kiến nào đúng khi nói về cạnh tranh?

A. Nền kinh tế tập trung bao cấp có cạnh tranh. B. Chỉ có sản xuất hàng hóa thì mới có cạnh tranh.

C. Ở nơi nào có sản xuất thì nơi đó có cạnh tranh. D. Nền kinh tế tự túc tự cấp có cạnh tranh.

Câu 19: Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa gọi là gì?

- A. Thời gian lao động xã hội cần thiết. B. Giá trị hàng hóa.
C. Thời gian lao động cá biệt. D. Thời gian lao động cá nhân.

Câu 20: Tiền giấy ra đời đầu tiên ở quốc gia nào?

- A. Anh. B. Mỹ. C. Trung Quốc. D. Pháp.

Câu 21: Hàng hóa ở trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường gọi là

- A. cầu. B. dự trữ. C. cung. D. nhu cầu.

Câu 22: Đây là biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Tung ra nhiều khuyến mãi để thu hút khách hàng.
B. Áp dụng khoa học – kỹ thuật hiện đại vào sản xuất.
C. Đầu cơ tích trữ để nâng cao lợi nhuận.
D. Hạ giá thành sản phẩm.

Câu 23: Theo nội dung quy luật giá trị, sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào?

- A. Giá trị của hàng hóa. B. Thời gian lao động xã hội cần thiết.
C. Nhu cầu của mọi người. D. Thời gian lao động cá biệt.

Câu 24: Câu tục ngữ “Thương trường như chiến trường” phản ánh quy luật kinh tế nào dưới đây?

- A. Quy luật cung cầu. B. Quy luật giá trị
C. Quy luật cạnh tranh. D. Quy luật lưu thông tiền tệ.

Câu 25: Phương án nào dưới đây là đúng?

- A. Giá cả tăng do cung < cầu. B. Giá cả tăng do cung > cầu.
C. Giá cả tăng do cung = cầu. D. Giá cả tăng do cung ≤ cầu.

Câu 26: Cạnh tranh diễn ra theo đúng pháp luật và gắn liền với các tác động tích cực là

- A. cạnh tranh hoàn hảo. B. cạnh tranh lành mạnh.
C. cạnh tranh lí tưởng. D. cạnh tranh tích cực.

Câu 27: Nội dung của quan hệ cung – cầu trên thị trường nhằm xác định

- A. Giá trị hàng hóa.
- B. Số lượng hàng hóa lưu thông.
- C. Mức giá cả hàng hóa, dịch vụ.
- D. Giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ.

Câu 28: Cạnh tranh ra đời, tồn tại và phát triển khi

- A. sản xuất hàng hóa xuất hiện.
- B. sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất hiện.
- C. lưu thông hàng hóa xuất hiện.
- D. quy luật giá trị xuất hiện.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 1 (1,5 điểm) : Theo em cạnh tranh lành mạnh được biểu hiện như thế nào?

Câu 2 (Tình huống 1,5 điểm): “Do quán mình vắng khách, trong khi quán của chị S khách vào tấp nập nên chị K thuê M,N và G dàn dựng clip sai sự thật về việc bán hàng của chị S rồi đưa lên mạng. U chia sẻ bài viết của K cho F. Việc kinh doanh của chị S bị đổ bể do nhiều người phản đối”.

Câu hỏi: Trong tình huống này hành vi của những ai là cạnh tranh không lành mạnh? Vì sao?

----- HẾT -----



Họ và tên:..... Lớp:SBD.....

I. TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

- Câu 1: Sự cạnh tranh vi phạm pháp luật và các chuẩn mực đạo đức là cạnh tranh.
A. không bình đẳng. B. tự do. C. không lành mạnh. D. không đẹp.
- Câu 2: Người sản xuất vi phạm quy luật giá trị trong trường hợp nào dưới đây?
A. Thời gian lao động cá biệt lớn hơn thời gian lao động xã hội cần thiết.
B. Thời gian lao động cá biệt lớn hơn hoặc nhỏ hơn thời gian lao động xã hội cần thiết.
C. Thời gian lao động cá biệt bằng thời gian lao động xã hội cần thiết.
D. Thời gian lao động cá biệt nhỏ hơn thời gian lao động xã hội cần thiết.
- Câu 3: Chủ thể nào dưới đây cần vận dụng quan hệ cung – cầu bằng cách điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các giải pháp thích hợp ?
A. Người sản xuất. B. Nhà nước. C. Nhân dân. D. Người tiêu dùng.
- Câu 4: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa là gì?
A. Trở thành người chi phối thị trường. B. Sản xuất được nhiều hàng hóa nhất.
C. Bán được nhiều hàng hóa nhất. D. Giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác.
- Câu 5: Trong các yếu tố cấu thành tư liệu lao động, yếu tố nào dưới đây quan trọng nhất?
A. Cơ sở vật chất. B. Kết cấu hạ tầng của sản xuất.
C. Công cụ lao động. D. Hệ thống bình chứa của sản xuất.
- Câu 6: Đây là đối tượng lao động của ngành công nghiệp khai thác trong các yếu tố sau?
A. Nhà xưởng. B. Sân bay. C. Than. D. Máy cày.
- Câu 7: Một sản phẩm trở thành hàng hóa cần có mấy điều kiện?
A. Hai. B. Bốn. C. Ba. D. Một.
- Câu 8: Thị trường gồm những nhân tố cơ bản nào dưới đây?
A. Giá cả, hàng hóa, người mua, người bán. B. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán.
C. Tiền tệ, người mua, người bán, giá cả. D. Người mua, tiền tệ, giá cả, hàng hóa.
- Câu 9: Trên thị trường, các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định
A. chất lượng và số lượng hàng hóa. B. giá cả và số lượng hàng hóa.
C. giá cả và giá trị sử dụng của hàng hóa. D. giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa.
- Câu 10: Để sản xuất ra một cái áo, thời gian lao động của anh H là 1 giờ, anh E là 2 giờ, anh K là 3 giờ. Trên thị trường, xã hội thừa nhận mua bán với thời gian là 2 giờ. Trong 3 người trên, ai thực hiện tốt quy luật giá trị?
A. Anh H và anh E. B. Anh E. C. Anh K. D. Anh H.
- Câu 11: Biểu hiện nào dưới đây không phải là cầu?
A. Bạn Lan đi siêu thị mua hàng thanh toán hết 500.000đ.
B. Bác Hùng có nhu cầu mua ô tô nhưng không đủ tiền.
C. Anh Nam mua một chiếc xe máy bằng hình thức trả góp.
D. Chị Mai cần mua một chiếc xe đạp điện với giá 15 triệu đồng.
- Câu 12: Đây là đối tượng lao động của người thợ may?
A. Chỉ. B. Máy may. C. Thợ may. D. Vải.
- Câu 13: Cạnh tranh trong lĩnh vực nào là quan trọng nhất?
A. Trong lĩnh vực nghệ thuật. B. Trong lĩnh vực chính trị.
C. Trong lĩnh vực kinh tế. D. Trong lĩnh vực xã hội.

Câu 14: Gia đình H có 1 ha trồng rau sạch cung cấp cho thị trường, hiện nay giá của các loại rau sạch đều tăng. Bố H quyết định mở rộng diện tích trồng, mẹ H thì muốn giữ nguyên quy mô sản xuất, chị H thì lại khuyên thu hẹp diện tích gieo trồng. Theo em, nên làm theo ý kiến của ai để gia đình H có thêm lợi nhuận?

- A. Mẹ H. B. Bố H. C. Mẹ H và chị H. D. Chị H.

Câu 15: Khi cung < cầu thì *tất yếu* điều gì xảy ra trên thị trường?

- A. Giá cả < giá trị hàng hóa. B. Nhà sản xuất mở rộng quy mô sản xuất.
C. Giá cả > giá trị hàng hóa. D. Giá cả = giá trị hàng hóa.

Câu 16: Tiền tệ có mấy chức năng?

- A. Hai. B. Năm. C. Bốn. D. Ba.

Câu 17: “Con trâu đi trước, cái cày theo sau” là nói đến yếu tố nào của quá trình sản xuất?

- A. Sức lao động. B. Đối tượng lao động. C. Tư liệu lao động. D. Công cụ lao động.

Câu 18: Đâu không phải là tính chất của cạnh tranh?

- A. Đấu tranh. B. Giành giật. C. Thương lượng. D. Ganh đua.

Câu 19: Nội dung nào được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?

- A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. B. Làm cho môi trường bị suy thoái.
C. Kích thích sức sản xuất. D. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước.

Câu 20: Yếu tố quan trọng và quyết định nhất trong quá trình sản xuất là

- A. máy móc hiện đại. B. sức lao động. C. đối tượng lao động. D. tư liệu lao động.

Câu 21: Lượng tiền giấy đưa vào lưu thông vượt quá quy định sẽ dẫn đến hiện tượng gì?

- A. Lạm phát. B. Thiếu phát. C. Khủng hoảng. D. Giảm phát.

Câu 22: Mối quan hệ giữa số lượng cầu và giá cả hàng hóa là

- A. tỉ lệ nghịch. B. tỉ lệ thuận. C. bằng nhau. D. ngược chiều.

Câu 23: Sản xuất của cải vật chất có vai trò quyết định

- A. mọi hoạt động của xã hội. B. thu nhập của người lao động.
C. số lượng hàng hóa trong xã hội. D. việc làm của người lao động.

Câu 24: Khi tiền rút khỏi lưu thông tiền tệ làm chức năng gì?

- A. Thước đo giá trị. B. Phương tiện lưu thông.
C. Phương tiện thanh toán. D. Phương tiện cất trữ.

Câu 25: Đâu **không** phải là điều kiện để sản phẩm trở thành hàng hóa.

- A. Đem trao đổi mua bán. B. Có công dụng nhất định.
C. Sản phẩm của lao động. D. Có giá trị nhất định.

Câu 26: Cung – cầu trên thị trường bị ảnh hưởng bởi yếu tố nào dưới đây?

- A. Hàng hóa. B. Người sản xuất. C. Tiền tệ. D. Giá cả.

Câu 27: Quy luật giá trị tồn tại ở nền sản xuất nào dưới đây?

- A. Nền sản xuất hàng hóa. B. Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa.
C. Nền sản xuất xã hội chủ nghĩa. D. Mọi nền sản xuất.

Câu 28: Quy luật giá trị có mấy tác động?

- A. Năm. B. Bốn. C. Ba. D. Hai.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 1 (1,5 điểm): Theo em biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh là gì?

Câu 2 (Tình huống, 1,5 điểm): “Thấy cửa hàng bán quần áo của F ít khách nên M đã gọi ý đăng tải lên facebook để quảng cáo. P giúp F chia sẻ bài viết cho nhiều người khác. Anh K cũng buôn bán quần áo trên mạng nên đã nhờ R và Y nói xấu F trên facebook. L chia sẻ bài viết của R và Y cho H.”

Câu hỏi: Trong tình huống trên những ai cạnh tranh không lành mạnh? Vì sao?

----- HẾT -----

Họ và tên:..... Lớp:SBD.....

I. TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

Câu 1: Việc phân phối lại nguồn hàng từ nơi có lãi ít đến nơi có nhiều lãi là kết quả tác động nào của quy luật giá trị?

A. Phân hóa giàu nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa. B. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.

C. Tăng năng suất lao động. D. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển.

Câu 2: Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất phát từ

A. sự tồn tại nhiều chủ sở hữu. B. sự gia tăng sản xuất hàng hóa.

C. nguồn lao động dồi dào trong xã hội. D. sự thay đổi cung-cầu.

Câu 3: Thị trường bao gồm các nhân tố cơ bản ?

A. hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán. B. hàng hóa, tiền tệ, chợ, siêu thị.

C. hàng hóa, tiền tệ, giá cả, giá trị. D. cung – cầu, giá cả, tiền tệ.

Câu 4: Nội dung của quan hệ cung – cầu trên thị trường nhằm xác định

A. Giá trị hàng hóa. B. Số lượng hàng hóa lưu thông.

C. Mức giá cả hàng hóa, dịch vụ. D. Giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ.

Câu 5: Quy luật kinh tế nào chi phối trong nền sản xuất hàng hóa?

A. Quy luật giá trị. B. Quy luật lưu thông hàng hóa.

C. Quy luật cung – cầu. D. Quy luật cạnh tranh.

Câu 6: Biểu hiện nào dưới đây được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?

A. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước. B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

C. Làm cho môi trường bị suy thoái. D. Điều tiết thu hẹp sản xuất.

Câu 7: Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa gọi là gì?

A. Thời gian lao động xã hội cần thiết. B. Thời gian lao động cá nhân.

C. Giá trị hàng hóa. D. Thời gian lao động cá biệt.

Câu 8: Theo nội dung quy luật giá trị, sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào?

A. Giá trị của hàng hóa. B. Thời gian lao động xã hội cần thiết.

C. Nhu cầu của mọi người. D. Thời gian lao động cá biệt.

Câu 9: Tiền tệ có mấy chức năng?

A. Hai. B. Năm. C. Ba. D. Bốn.

Câu 10: Phương án nào dưới đây là đúng?

A. Giá cả tăng do cung = cầu. B. Giá cả tăng do cung > cầu.

C. Giá cả tăng do cung < cầu. D. Giá cả tăng do cung \leq cầu.

Câu 11: Người tiêu dùng Việt Nam đang có xu hướng chuộng dùng hàng ngoại. Để hạn chế xu hướng này các chủ thể sản xuất kinh doanh trong nước cần phải làm gì?

A. Có những ưu đãi đặc biệt về giá cả.

B. Tìm cách ngăn chặn không cho hàng hoá nước ngoài tràn vào nước ta.

C. Làm hàng nhái giống như của nước ngoài.

D. Tích cực cạnh tranh với các mặt hàng nước ngoài giành ưu thế trên thị trường nội địa.

Câu 12: Khi giá cả hàng hóa tăng lên, các doanh nghiệp mở rộng sản xuất. Đây là biểu hiện nào trong quan hệ cung – cầu?

A. Tất cả các các biểu hiện trên. B. Cung – cầu tác động lẫn nhau.

C. Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường. D. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu.
Câu 13: Trên thị trường, sự tác động của nhân tố nào khiến cho giá cả hàng hóa trở nên cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị?

- A. Người mua, người bán. B. Cung – cầu.
C. Độc quyền. D. Cạnh tranh và phân phối sản phẩm.

Câu 14: Bà A bán thóc được 2 triệu đồng. Bà dùng tiền đó mua một chiếc xe đạp. Trong trường hợp này tiền thực hiện chức năng gì dưới đây?

- A. Phương tiện lưu thông. B. Phương tiện thanh toán.
C. Thước đo giá trị. D. Phương tiện cất trữ.

Câu 15: Trong nền kinh tế hàng hoá khái niệm cầu được dùng để gọi tắt cho cụm từ nào?

- A. Nhu cầu tiêu dùng hàng hoá. B. Nhu cầu có khả năng thanh toán.
C. Nhu cầu của mọi người. D. Nhu cầu của người tiêu dùng.

Câu 16: Việc trao đổi các hàng hóa với nhau trên thị trường thực chất là trao đổi

- A. thời gian lao động xã hội cần thiết. B. giá trị sử dụng của hàng hóa.
C. giá trị của hàng hóa. D. những lượng lao động hao phí bằng nhau ẩn chứa trong hàng hóa.

Câu 17: Ý kiến nào đúng khi nói về cạnh tranh?

- A. Nền kinh tế tập trung bao cấp có cạnh tranh. B. Nền kinh tế tự túc tự cấp có cạnh tranh.
C. Ở nơi nào có sản xuất thì nơi đó có cạnh tranh. D. Chỉ có sản xuất hàng hóa thì mới có cạnh tranh.

Câu 18: Đây là biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Tung ra nhiều khuyến mãi để thu hút khách hàng. B. Áp dụng khoa học – kỹ thuật hiện đại vào sản xuất.
C. Đầu cơ tích trữ để nâng cao lợi nhuận. D. Hạ giá thành sản phẩm.

Câu 19: Câu tục ngữ “Thương trường như chiến trường” phản ánh quy luật kinh tế nào dưới đây?

- A. Quy luật cạnh tranh. B. Quy luật lưu thông tiền tệ.
C. Quy luật cung cầu. D. Quy luật giá trị.

Câu 20: Hàng hóa ở trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường gọi là

- A. cầu. B. dự trữ. C. cung. D. nhu cầu.

Câu 21: Sản giao dịch chứng khoán là loại thị trường gì?

- A. Thị trường hiện đại. B. Thị trường ảo. C. Thị trường quốc tế. D. Thị trường vô hình.

Câu 22: Trên thị trường người tiêu dùng chịu ảnh hưởng như thế nào về quan hệ cung – cầu?

- A. Vừa có lợi, vừa thua thiệt. B. Không bị ảnh hưởng gì.
C. Luôn có lợi. D. Thiệt thòi, bị ép giá.

Câu 23: Cạnh tranh ra đời, tồn tại và phát triển khi

- A. sản xuất hàng hóa xuất hiện. B. sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất hiện.
C. lưu thông hàng hóa xuất hiện. D. quy luật giá trị xuất hiện.

Câu 24: Tiền giấy ra đời đầu tiên ở quốc gia nào?

- A. Pháp. B. Anh. C. Trung Quốc. D. Mỹ.

Câu 25: Cạnh tranh diễn ra theo đúng pháp luật và gắn liền với các tác động tích cực là

- A. cạnh tranh hoàn hảo. B. cạnh tranh lành mạnh.
C. cạnh tranh lí tưởng. D. cạnh tranh tích cực.

Câu 26: Sự chênh lệch giá trị đồng tiền nước này với đồng tiền nước khác gọi là gì ?

- A. Mệnh giá hối đoái. B. Tỷ giá giao dịch.
C. Tỷ giá hối đoái. D. Chênh lệch ngoại tệ.

Câu 27: Số lượng cầu phụ thuộc vào yếu tố nào nhất?

- A. Sở thích người tiêu dùng. B. Tâm lý, thị hiếu người tiêu dùng.
C. Mức giá cả hàng hóa. D. Thu nhập.

Câu 28: Yếu tố quyết định số lượng cung hàng hóa là

A. các yếu tố sản xuất.

B. số lượng và chất lượng nguồn nhân lực.

C. mức giá cả hàng hóa.

D. khả năng sản xuất.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 1 (1,5 điểm) : Theo em cạnh tranh lành mạnh được biểu hiện như thế nào?

Câu 2 (Tình huống 1,5 điểm): “Do quán mình vắng khách, trong khi quán của chị S khách vào tấp nập nên chị K thuê M, N và G dàn dựng clip sai sự thật về việc bán hàng của chị S rồi đưa lên mạng. U chia sẻ bài viết của K cho F. Việc kinh doanh của chị S bị đổ bể do nhiều người phản đối”.

Câu hỏi: Trong tình huống này hành vi của những ai là cạnh tranh không lành mạnh? Vì sao?

----- HẾT -----



Họ và tên:..... Lớp:SBD.....

I. TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

Câu 1: Trong các yếu tố cấu thành tư liệu lao động, yếu tố nào dưới đây quan trọng nhất?

- A. Cơ sở vật chất. B. Kết cấu hạ tầng của sản xuất.
C. Công cụ lao động. D. Hệ thống bình chứa của sản xuất.

Câu 2: “Con trâu đi trước, cái cày theo sau” là nói đến yếu tố nào của quá trình sản xuất ?

- A. Sức lao động. B. Đối tượng lao động. C. Tư liệu lao động. D. Công cụ lao động.

Câu 3: Yếu tố quan trọng và quyết định nhất trong quá trình sản xuất là

- A. sức lao động. B. đối tượng lao động C. tư liệu lao động. D. máy móc hiện đại.

Câu 4: Gia đình H có 1 ha trồng rau sạch cung cấp cho thị trường, hiện nay giá của các loại rau sạch đều tăng. Bố H quyết định mở rộng diện tích trồng, mẹ H thì muốn giữ nguyên quy mô sản xuất, chị H thì lại khuyên thu hẹp diện tích gieo trồng. Theo em, nên làm theo ý kiến của ai để gia đình H có thêm lợi nhuận?

- A. Mẹ H. B. Bố H. C. Mẹ H và chị H. D. Chị H.

Câu 5: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa là gì?

- A. Giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác. B. Sản xuất được nhiều hàng hóa nhất.
C. Trở thành người chi phối thị trường. D. Bán được nhiều hàng hóa nhất.

Câu 6: Sự cạnh tranh vi phạm pháp luật và các chuẩn mực đạo đức là cạnh tranh

- A. không lành mạnh. B. không đẹp. C. không bình đẳng. D. tự do.

Câu 7: Thị trường gồm những nhân tố cơ bản nào dưới đây?

- A. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán. B. Người mua, tiền tệ, giá cả, hàng hóa.
C. Giá cả, hàng hóa, người mua, người bán. D. Tiền tệ, người mua, người bán, giá cả.

Câu 8: Cạnh tranh trong lĩnh vực nào là quan trọng nhất?

- A. Trong lĩnh vực nghệ thuật. B. Trong lĩnh vực chính trị.
C. Trong lĩnh vực kinh tế. D. Trong lĩnh vực xã hội.

Câu 9: Chủ thể nào dưới đây cần vận dụng quan hệ cung – cầu bằng cách điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các giải pháp thích hợp ?

- A. Người sản xuất. B. Người tiêu dùng. C. Nhân dân. D. Nhà nước.

Câu 10: Đâu là đối tượng lao động của người thợ may?

- A. Vải. B. Thợ may. C. Máy may. D. Chỉ.

Câu 11: Tiền tệ có mấy chức năng?

- A. Ba. B. Hai. C. Năm. D. Bốn.

Câu 12: Để sản xuất ra một cái áo, thời gian lao động của anh H là 1 giờ, anh E là 2 giờ, anh K là 3 giờ. Trên thị trường, xã hội thừa nhận mua bán với thời gian là 2 giờ. Trong 3 người trên, ai thực hiện tốt quy luật giá trị?

- A. Anh H và anh E. B. Anh E. C. Anh K. D. Anh H.

Câu 13: Trên thị trường, các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định

- A. giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa. B. chất lượng và số lượng hàng hóa.
C. giá cả và giá trị sử dụng của hàng hóa. D. giá cả và số lượng hàng hóa.

Câu 14: Đâu là đối tượng lao động của ngành công nghiệp khai thác trong các yếu tố sau?

- A. Máy cày. B. Sân bay. C. Nhà xưởng. D. Than.

Câu 15: Khi tiền rút khỏi lưu thông tiền tệ làm chức năng gì?

A. Thước đo giá trị.

B. Phương tiện lưu thông.

C. Phương tiện thanh toán.

D. Phương tiện cất trữ.

Câu 16: Một sản phẩm trở thành hàng hóa cần có mấy điều kiện?

A. Bốn.

B. Ba.

C. Hai.

D. Một.

Câu 17: Người sản xuất vi phạm quy luật giá trị trong trường hợp nào dưới đây?

A. Thời gian lao động cá biệt lớn hơn hoặc nhỏ hơn thời gian lao động xã hội cần thiết.

B. Thời gian lao động cá biệt lớn hơn thời gian lao động xã hội cần thiết.

C. Thời gian lao động cá biệt nhỏ hơn thời gian lao động xã hội cần thiết.

D. Thời gian lao động cá biệt bằng thời gian lao động xã hội cần thiết.

Câu 18: Lượng tiền giấy đưa vào lưu thông vượt quá quy định sẽ dẫn đến hiện tượng gì?

A. Lạm phát.

B. Thiếu phát.

C. Khủng hoảng.

D. Giảm phát.

Câu 19: Sản xuất của cải vật chất có vai trò quyết định

A. việc làm của người lao động.

B. thu nhập của người lao động.

C. mọi hoạt động của xã hội.

D. số lượng hàng hóa trong xã hội.

Câu 20: Đâu không phải là tính chất của cạnh tranh?

A. Đấu tranh.

B. Thương lượng.

C. Giành giật.

D. Ganh đua.

Câu 21: Khi cung < cầu thì tất yếu điều gì xảy ra trên thị trường?

A. Giá cả > giá trị hàng hóa.

B. Giá cả < giá trị hàng hóa.

C. Giá cả = giá trị hàng hóa.

D. Nhà sản xuất mở rộng quy mô sản xuất.

Câu 22: Nội dung nào được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?

A. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước.

B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

C. Làm cho môi trường bị suy thoái.

D. Kích thích sức sản xuất.

Câu 23: Biểu hiện nào dưới đây không phải là cầu?

A. Bạn Lan đi siêu thị mua hàng thanh toán hết 500.000đ.

B. Chị Mai cần mua một chiếc xe đạp điện với giá 15 triệu đồng.

C. Bác Hùng có nhu cầu mua ô tô nhưng không đủ tiền.

D. Anh Nam mua một chiếc xe máy bằng hình thức trả góp.

Câu 24: Mối quan hệ giữa số lượng cầu và giá cả hàng hóa là

A. tỉ lệ thuận.

B. tỉ lệ nghịch.

C. bằng nhau.

D. ngược chiều.

Câu 25: Cung – cầu trên thị trường bị ảnh hưởng bởi yếu tố nào dưới đây?

A. Hàng hóa.

B. Người sản xuất.

C. Tiền tệ.

D. Giá cả.

Câu 26: Quy luật giá trị tồn tại ở nền sản xuất nào dưới đây?

A. Nền sản xuất hàng hóa.

B. Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa.

C. Nền sản xuất xã hội chủ nghĩa.

D. Mọi nền sản xuất.

Câu 27: Quy luật giá trị có mấy tác động?

A. Hai.

B. Năm.

C. Ba.

D. Bốn.

Câu 28: Đâu **không** phải là điều kiện để sản phẩm trở thành hàng hóa.

A. Đem trao đổi mua bán.

B. Có công dụng nhất định.

C. Sản phẩm của lao động.

D. Có giá trị nhất định.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 1 (1,5 điểm): Theo em biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh là gì?

Câu 2 (Tình huống, 1,5 điểm): “Thấy cửa hàng bán quần áo của F ít khách nên M đã gợi ý đăng tải lên facebook để quảng cáo. P giúp F chia sẻ bài viết cho nhiều người khác. Anh K cũng buôn bán quần áo trên mạng nên đã nhờ R và Y nói xấu F trên facebook. L chia sẻ bài viết của R và Y cho H.”

Câu hỏi: Trong tình huống trên những ai cạnh tranh không lành mạnh? Vì sao?

----- HẾT -----

Họ và tên:..... Lớp:SBD.....

I. TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

- Câu 1:** Việc trao đổi các hàng hóa với nhau trên thị trường thực chất là trao đổi
A. thời gian lao động xã hội cần thiết. B. giá trị sử dụng của hàng hóa.
C. giá trị của hàng hóa. D. những lượng lao động hao phí bằng nhau ẩn chứa trong hàng hóa.
- Câu 2:** Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa gọi là gì?
A. Thời gian lao động xã hội cần thiết. B. Thời gian lao động cá nhân.
C. Giá trị hàng hóa. D. Thời gian lao động cá biệt.
- Câu 3:** Thị trường bao gồm các nhân tố cơ bản ?
A. cung – cầu, giá cả, tiền tệ. B. hàng hóa, tiền tệ, chợ, siêu thị.
C. hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán. D. hàng hóa, tiền tệ, giá cả, giá trị.
- Câu 4:** Tiền tệ có mấy chức năng?
A. Hai. B. Năm. C. Ba. D. Bốn.
- Câu 5:** Nội dung của quan hệ cung – cầu trên thị trường nhằm xác định
A. Giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ. B. Số lượng hàng hóa lưu thông.
C. Giá trị hàng hóa. D. Mức giá cả hàng hóa, dịch vụ.
- Câu 6:** Số lượng cầu phụ thuộc vào yếu tố nào nhất?
A. Mức giá cả hàng hóa. B. Sở thích người tiêu dùng.
C. Thu nhập. D. Tâm lý, thị hiếu người tiêu dùng.
- Câu 7:** Biểu hiện nào dưới đây được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?
A. Điều tiết thu hẹp sản xuất. B. Làm cho môi trường bị suy thoái.
C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. D. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước.
- Câu 8:** Đây là biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh?
A. Tung ra nhiều khuyến mãi để thu hút khách hàng. B. Áp dụng khoa học – kỹ thuật hiện đại vào sản xuất.
C. Đầu cơ tích trữ để nâng cao lợi nhuận. D. Hạ giá thành sản phẩm.
- Câu 9:** Người tiêu dùng Việt Nam đang có xu hướng chuộng dùng hàng ngoại. Để hạn chế xu hướng này các chủ thể sản xuất kinh doanh trong nước cần phải làm gì?
A. Có những ưu đãi đặc biệt về giá cả. B. Làm hàng nhái giống như của nước ngoài.
C. Tìm cách ngăn chặn không cho hàng hoá nước ngoài tràn vào nước ta.
D. Tích cực cạnh tranh với các mặt hàng nước ngoài giành ưu thế trên thị trường nội địa.
- Câu 10:** Cạnh tranh ra đời, tồn tại và phát triển khi
A. sản xuất hàng hóa xuất hiện. B. lưu thông hàng hóa xuất hiện.
C. sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất hiện. D. quy luật giá trị xuất hiện.
- Câu 11:** Khi giá cả hàng hóa tăng lên, các doanh nghiệp mở rộng sản xuất. Đây là biểu hiện nào trong quan hệ cung – cầu?
A. Tất cả các các biểu hiện trên. B. Cung – cầu tác động lẫn nhau.
C. Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường. D. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu.
- Câu 12:** Trên thị trường người tiêu dùng chịu ảnh hưởng như thế nào về quan hệ cung – cầu?
A. Vừa có lợi, vừa thua thiệt. B. Không bị ảnh hưởng gì.
C. Luôn có lợi. D. Thiệt thòi, bị ép giá.
- Câu 13:** Ý kiến nào đúng khi nói về cạnh tranh?

A. Ở nơi nào có sản xuất thì nơi đó có cạnh tranh. B. Chỉ có sản xuất hàng hóa thì mới có cạnh tranh.

C. Nền kinh tế tự túc, tự cấp có cạnh tranh. D. Nền kinh tế tập trung bao cấp có cạnh tranh.

Câu 14: Tiền giấy ra đời đầu tiên ở quốc gia nào?

A. Pháp.

B. Anh.

C. Mỹ.

D. Trung Quốc.

Câu 15: Trong nền kinh tế hàng hoá khái niệm cầu được dùng để gọi tắt cho cụm từ nào?

A. Nhu cầu tiêu dùng hàng hoá.

B. Nhu cầu của mọi người.

C. Nhu cầu có khả năng thanh toán.

D. Nhu cầu của người tiêu dùng.

Câu 16: Quy luật kinh tế nào chi phối trong nền sản xuất hàng hóa?

A. Quy luật cung - cầu.

B. Quy luật cạnh tranh.

C. Quy luật lưu thông hàng hóa.

D. Quy luật giá trị.

Câu 17: Việc phân phối lại nguồn hàng từ nơi có lãi ít đến nơi có nhiều lãi là kết quả tác động nào của quy luật giá trị?

A. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.

B. Tăng năng suất lao động.

C. Phân hóa giàu nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa. D. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển.

Câu 18: Yếu tố quyết định số lượng cung hàng hóa là

A. các yếu tố sản xuất.

B. mức giá cả hàng hóa.

C. số lượng và chất lượng nguồn nhân lực.

D. khả năng sản xuất.

Câu 19: Hàng hóa ở trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường gọi là

A. cầu.

B. cung.

C. dự trữ.

D. nhu cầu.

Câu 20: Sàn giao dịch chứng khoán là loại thị trường gì?

A. Thị trường hiện đại.

B. Thị trường ảo.

C. Thị trường quốc tế.

D. Thị trường vô hình.

Câu 21: Cạnh tranh diễn ra theo đúng pháp luật và gắn liền với các tác động tích cực là

A. cạnh tranh tích cực.

B. cạnh tranh hoàn hảo.

C. cạnh tranh lí tưởng.

D. cạnh tranh lành mạnh.

Câu 22: Trên thị trường, sự tác động của nhân tố nào khiến cho giá cả hàng hóa trở nên cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị?

A. Người mua, người bán.

B. Cung - cầu.

C. Cạnh tranh và phân phối sản phẩm.

D. Độc quyền.

Câu 23: Theo nội dung quy luật giá trị, sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào?

A. Nhu cầu của mọi người.

B. Thời gian lao động xã hội cần thiết.

C. Giá trị của hàng hóa.

D. Thời gian lao động cá biệt.

Câu 24: Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất phát từ

A. sự gia tăng sản xuất hàng hóa.

B. sự tồn tại nhiều chủ sở hữu.

C. sự thay đổi cung-cầu.

D. nguồn lao động dồi dào trong xã hội.

Câu 25: Sự chênh lệch giá trị đồng tiền nước này với đồng tiền nước khác gọi là gì ?

A. Mệnh giá hối đoái.

B. Tỷ giá giao dịch.

C. Tỷ giá hối đoái.

D. Chênh lệch ngoại tệ.

Câu 26: Phương án nào dưới đây là đúng?

A. Giá cả tăng do cung > cầu.

B. Giá cả tăng do cung = cầu.

C. Giá cả tăng do cung < cầu.

D. Giá cả tăng do cung ≤ cầu.

Câu 27: Câu tục ngữ "Thương trường như chiến trường" phản ánh quy luật kinh tế nào dưới đây?

A. Quy luật cạnh tranh.

B. Quy luật lưu thông tiền tệ.

C. Quy luật cung cầu.

D. Quy luật giá trị.

Câu 28: Bà A bán thóc được 2 triệu đồng. Bà dùng tiền đó mua một chiếc xe đạp. Trong trường hợp này tiền thực hiện chức năng gì dưới đây?

A. Phương tiện thanh toán.

B. Thước đo giá trị.

C. Phương tiện cất trữ.

D. Phương tiện lưu thông.

II. PHÂN TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu 1 (1,5 điểm) : Theo em cạnh tranh lành mạnh được biểu hiện như thế nào?

Câu 2 (Tình huống 1,5 điểm): “Do quán mình vắng khách, trong khi quán của chị S khách vào tấp nập nên chị K thuê M, N và G dàn dựng clip sai sự thật về việc bán hàng của chị S rồi đưa lên mạng. U chia sẻ bài viết của K cho F. Việc kinh doanh của chị S bị đổ bể do nhiều người phản đối”.

Câu hỏi: Trong tình huống này hành vi của những ai là cạnh tranh không lành mạnh? Vì sao?

----- HẾT -----

